

Bản án số: 121/2026/HS-ST
Ngày 15-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Quang Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lại Văn Bảo và ông Đỗ Ngọc Hải.

- Thư ký phiên toà: ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Quang Lương - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2026/TLST - HS ngày 13/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 29/2026/QĐST-HS ngày 16/6/2026 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/2026/TB-TA ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Quảng Ninh đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 22/02/1980, tại thành phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: thôn 2 Thanh Lân, đặc khu Cô T, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Th; vợ Nguyễn Thị Thanh H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 134/HSST ngày 12/11/2002 của Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Chấp hành xong Bản án ngày 29/6/2003. Đầu thú ngày 04/10/2025, hiện đang tạm giam. Có mặt.

2. Trần Văn S, sinh ngày 16/9/1982, tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: thôn Đức, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Thuyền trưởng; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Lê Thị H; vợ Phạm Thị Á và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Đầu thú ngày 12/12/2025, hiện đang tạm giam. Có mặt.

3. Phạm Văn M, sinh ngày 15/02/1977, tại tỉnh Thanh Hoá;

Nơi cư trú: thôn Thuận, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Thuyền trưởng; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Vũ Thị Kh; vợ

Trần Thị Th và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Đầu thú ngày 04/10/2025, hiện đang tạm giam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Văn S: Luật sư Hoàng Thanh Ti, sinh năm 1970, văn phòng luật sư Thiên K - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ni; địa chỉ: khu phố Hải Xuân 6, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng N. Có mặt. (vắng mặt khi tuyên án).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Văn Vi, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Đức, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Đào Văn Mi, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Hải, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Trần Văn Nh, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Trung, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Vũ Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Hải, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Vũ Văn Ng, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Đức, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Hoàng Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Thanh, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Đặng Văn M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Tiến, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Trần Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Hải, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Trần Văn Ch, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Đông, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Trần Văn H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Hoà, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Đào Văn M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Hải, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Hoàng Văn D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đức, xã Tiên Tr, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đức Tr là chủ 02 tàu cá số hiệu QN-65076-TST và QN-41320-TS, nhưng không hoạt động đánh bắt thủy sản mà neo đậu tại khu vực bè của Trung ở thôn 2 Thanh Lâm, đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh, để kinh doanh vật tư, thực phẩm hậu cần nghề cá. Bị cáo Phạm Văn M là chủ tàu kiêm thuyền trưởng tàu cá TH-92276-TS, hoạt động thu mua thủy sản từ các tàu cá khác. Còn bị cáo Trần Văn S là chủ tàu kiêm thuyền trưởng tàu cá TH-91884-TS. Minh và Sỹ đều có quen biết với Trung do thường xuyên mua hàng hóa, thực phẩm, vật tư của

Trung. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/6/2025 đến ngày 27/6/2025, Trung đã 02 lần nhận giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá do Minh và Sỹ gửi, cụ thể:

Lần thứ nhất: Phạm Văn M có quen biết với 05 chủ tàu cá kiêm thuyền trưởng khác, gồm: Trần Văn Tuấn (chủ tàu TH-90405-TS), Vũ Văn Tuấn (chủ tàu TH-93361-TS), Trần Văn Chót (chủ tàu TH-92939-TS), Trần Văn Nhân (chủ tàu TH-90729-TS), Vũ Văn Ngọc (chủ tàu TH-92280-TS). Cả 05 tàu cá trên đều được cấp giấy phép khai thác thủy sản nghề lồng bẫy, vùng hoạt động là “Vùng khơi” và được lắp 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

Sáng ngày 24/6/2025, khi tàu TH-92276-TS của Minh đang ở vùng biển đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh, Minh nói trên bộ đàm hàng hải chung (kênh A31) với các anh Tuấn, Tuấn, Chót, Nhân, Ngọc về nội dung *“Đoàn mình đang đánh bắt sai vùng, anh em tháo thiết bị giám sát hành trình để anh đi gửi”*. Nhận được thông tin từ Minh, các anh Tuấn, Tuấn, Chót, Nhân, Ngọc tự tháo 01 thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá của mình để gửi cho Minh, nhằm tránh sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng, mục đích khai thác thủy sản trái phép trong vùng cấm là “Vùng lồng”. Từ tối ngày 24/6/2025 đến sáng ngày 25/6/2025, Minh điều khiển tàu TH-92276-TS đến nhận thiết bị giám sát hành trình trên từng tàu cá của các anh Tuấn, Tuấn, Chót, Nhân, Ngọc. Sau đó, Minh gọi điện thoại cho Trung đề nghị gửi các thiết bị giám sát hành trình tàu cá, Trung đồng ý. Minh điều khiển tàu TH-92276-TS chở 05 thiết bị giám sát hành trình tàu cá nhận của các anh Tuấn, Tuấn, Chót, Nhân, Ngọc vào khu vực bè của Trung, rồi cùng Trung cùng lắp đặt lên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS.

Lần thứ hai: Trần Văn S thường đi đánh bắt thủy sản cùng 07 chủ tàu cá kiêm thuyền trưởng khác, gồm: Đào Văn Miện (chủ tàu TH-92211-TS), Hoàng Văn Dũng (chủ tàu TH-90164-TS), Đào Văn Mạnh (chủ tàu cá TH-90288-TS), Đặng Văn Mạnh (chủ tàu TH-92283-TS), Hoàng Văn Huân (chủ tàu TH-90991-TS), Phạm Văn Viên (chủ tàu TH-92072-TS), Trần Văn Hay (chủ tàu TH-90616-TS). Tàu của Sỹ và 07 tàu trên đều được cấp giấy phép khai thác thủy sản nghề lồng bẫy, vùng hoạt động là “Vùng khơi” và được lắp 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

Ngày 20/6/2025, Sỹ cùng các anh Miện, Dũng, Đào Mạnh, Đặng Mạnh, Huân, Viên gặp nhau tại xã Thiên Trang, tỉnh Thanh Hóa và nói chuyện về việc đi khai thác bè bè, ghe trong “Vùng lồng” tại vùng biển đảo Mai, Thanh Lân, Trần, Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh. Lúc này, anh Hay đang sửa tàu ở tỉnh Quảng Ninh nên anh Đào Mạnh gọi điện thoại thông báo lại nội dung trên cho anh Hay biết.

Đến chiều ngày 25/6/2025, tàu của Sỹ đang khai thác thủy sản ở khu vực đảo Mai (là vùng không được phép khai thác theo giấy phép tàu của Sỹ được cấp), thì Sỹ nhận được thông tin trên bộ đàm hàng hải chung (kênh A21) với nội dung *“Anh em mình có tháo máy ra được không”*, nhưng không rõ ai nói. Lúc này, Sỹ hiểu phải tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá nếu không sẽ bị cơ quan chức năng phát hiện việc đánh bắt thủy sản sai vùng. Một lúc sau, Sỹ tiếp tục nhận được thông tin trên bộ đàm kênh A21 với nội dung *“Cứ mang vào bè anh Trung ở Thanh Lân đi xem được không”*, nhưng vẫn không rõ ai nói. Sau đó, do nhận được tin bố bị ốm và phải về nhà ở tỉnh Thanh Hoá, nên Sỹ có nói trên bộ đàm kênh A21 để mọi người biết *“Tôi có việc phải vào Thanh Lân, ai gửi máy thì đưa tôi mang đi*

gửi cho”, đồng thời thông báo tọa độ tàu của Sỹ. Nhận được thông tin từ Sỹ, các anh Miện, Dũng, Đào Mạnh, Đặng Mạnh, Huân, Viên, Hay tự tháo 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá của mình để gửi cho Sỹ, nhằm tránh sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng, mục đích khai thác thủy sản trái phép trong vùng cấm là “Vùng lộng”. Từ trưa ngày 26/6/2025 đến sáng ngày 27/6/2025, 07 chủ tàu trên lần lượt đến gửi thiết bị giám sát hành trình tàu cá của mình cho Sỹ. Sau đó, Sỹ tự tháo thiết bị giám sát hành trình tàu cá của mình, rồi chở toàn bộ 08 thiết bị giám sát hành trình tàu cá đến khu vực bè của Trung. Khi gặp Trung, Sỹ nói “*Cho em gửi ít đồ*”, thì Trung biết là Sỹ gửi thiết bị giám sát hành trình tàu cá nên đồng ý. Sau đó, Sỹ cùng Trung lắp đặt 08 thiết bị giám sát hành trình tàu cá lên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS.

Đến 11 giờ 30 phút ngày 14/7/2025, tại tọa độ 20⁰59'53"N 107⁰48'21"E, thuộc vùng biển đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh, Đoàn kiểm tra của Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ninh, phát hiện trên 02 tàu số hiệu QN-65076-TST và QN-41320-TS của Nguyễn Đức Tr lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình của tàu cá nên đã yêu cầu Trung neo đậu tàu về tàu Kiểm ngư KN-868-QN để làm việc. Sau đó, Đoàn kiểm tra đã chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh.

Cơ quan điều tra thu giữ trên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS: 03 bình ắc quy, 01 thiết bị định vị tàu của Trung và 13 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá khác.

Tại Kết luận giám định số 6385/KL-KTHS ngày 05/9/2025 và số 7351/KL-KTHS ngày 30/9/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, đối với 13 thiết bị giám sát hành trình tàu cá và 01 thiết bị định vị thu giữ trên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS:

- Các mẫu vật gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13 là thiết bị giám sát hành trình tàu cá, có các tính năng của một thiết bị giám sát hành trình như: xác định và truyền GPS, lưu trữ dữ liệu hành trình.... Mẫu vật ký hiệu A14 không phải là thiết bị giám sát hành trình, có tính năng là thiết bị định vị và dẫn đường hàng hải.

- Các mẫu vật ký hiệu A1, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13 còn hoạt động; mẫu vật ký hiệu A2 không lên nguồn.

- Xác định được tọa độ thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá trong khoảng thời gian từ sáng ngày 25/6/2025 đến ngày 14/7/2025, phù hợp với vị trí cơ quan chức năng kiểm tra tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của Nguyễn Đức Tr tại tọa độ 20⁰59'53"N 107⁰48'21"E.

Tại bản Cáo trạng số: 92/CT-VKSKV3 ngày 12/3/2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M về tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”, quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”, và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M; bị cáo Nguyễn Đức Tr còn bị áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Tr từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đối với 04 tàu cá QN-65076-TST, QN-41320-TS, TH-91884-TS, TH-92276-TS của Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S, Phạm Văn M, là tài sản chung của vợ chồng các bị cáo, là phương tiện kiếm sống duy nhất của gia đình, phục vụ cuộc sống hàng ngày nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả các bị cáo, nhưng hiện nay 04 tàu cá này đã giao cho gia đình các bị cáo quản lý.

Đối với 13 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá TH-90405-TS, TH-93361-TS, TH-92939-TS, TH-90729-TS, TH-92280-TS, TH-91884-TS, TH-92211-TS, TH-90164-TS, TH-90288-TS, TH-92283-TS, TH-90991-TS, TH-92072-TS, TH-90616-TS; 03 bình ắc quy; 01 thiết bị định vị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho bị cáo Sỹ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Còn 02 điện thoại di động kèm theo sim, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Trung và bị cáo Minh, các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 02 điện thoại, còn đối với 02 sim kèm theo điện thoại đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn S: về tội danh và điều luật áp dụng còn miễn cưỡng và mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là cao, vì điểm đ khoản 3 Điều 287 của Bộ luật Hình sự quy định: ... đ) *Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử 168 giờ trở lên hoặc 50 lần trở lên trong thời gian 24 giờ;*”. Nhưng các thiết bị giám sát hành trình mà bị cáo vận chuyển và lắp đặt không bị gián đoạn (không tắt thiết bị), không gây cản trở, không tê liệt, không gián đoạn, không ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử... và đề nghị mời cơ quan Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đến phiên toà để giải thích rõ nội dung này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: phân tích về hành vi của bị cáo Sỹ và các bị cáo Trung, Minh nhận gửi giữ các thiết bị giám sát hành trình tàu cá (là phương tiện điện tử) đã làm gián đoạn việc truyền tải thông tin chính xác vị trí các tàu cá đang hoạt động về Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá, dẫn đến cơ quan có thẩm quyền không quản lý được hoạt động khai thác thủy sản của cá tàu cá trên biển trong thời gian trên 168 giờ. Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hành vi của các bị cáo Sỹ, Trung, Minh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”, theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Sỹ và các bị cáo Trung, Minh là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Còn

đối với đề nghị mời Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đến phiên tòa để giải thích rõ nội dung “*làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử*”. Xét thấy trong hồ sơ vụ án Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đã cung cấp các tài liệu xác định thời gian ghi nhận tàu cá có dấu hiệu gây rối loạn hoạt động của thiết bị giám sát hành trình tàu cá và làm việc với Cơ quan điều tra đảm bảo đúng trình tự và quy định pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh là đúng người, đúng tội; lời nói sau cùng các bị cáo ngoài đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt, các bị cáo không có ý kiến, tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, một lần nữa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như những bản khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (các anh Trần Văn Tuấn, Vũ Văn Tuấn, Trần Văn Chót, Trần Văn Nhân, Vũ Văn Ngọc, Đào Văn Miện, Hoàng Văn Dũng, Đào Văn Mạnh, Đặng Văn Mạnh, Hoàng Văn Huân, Phạm Văn Viên, Trần Văn Hay); biên bản kiểm tra lập ngày 14/7/2025; biên bản khám nghiệm hiện trường tại 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Trung và phù hợp với Kết luận giám định số 6385/KL-KTHS ngày 05/9/2025 và số 7351/KL-KTHS ngày 30/9/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, đối với 13 thiết bị giám sát hành trình tàu cá và 01 thiết bị định vị thu giữ trên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Trung và đều khẳng định việc đưa ra truy tố và xét xử các bị cáo là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo đều rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

Để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ sau:

Các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo Minh tại phiên tòa, khai phù hợp với lời khai của 05 chủ tàu cá kiêm thuyền trưởng khác, gồm: Trần Văn Tuấn, Vũ Văn Tuấn, Trần Văn Chót, Trần Văn Nhân, Vũ Văn Ngọc. Cả 05 tàu cá trên đều

được cấp giấy phép khai thác thủy sản nghề lồng bẫy, vùng hoạt động là “Vùng khơi” và được lắp 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Sáng ngày 24/6/2025, khi tàu TH-92276-TS của bị cáo Minh đang ở vùng biển đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo nói trên bộ đàm hàng hải chung (kênh A31) với các anh Tuấn, Tuấn, Chót, Nhân, Ngọc về nội dung *“Đoàn mình đang đánh bắt sai vùng, anh em tháo thiết bị giám sát hành trình để anh đi gửi”*. Sau khi nhận được thông tin từ bị cáo Minh, các anh Tuấn, Tuấn, Chót, Nhân, Ngọc tự tháo 01 thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá của mình để gửi cho Minh, nhằm tránh sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng, mục đích khai thác thủy sản trái phép trong vùng cấm là “Vùng lồng”. Từ tối ngày 24/6/2025 đến sáng ngày 25/6/2025, bị cáo Minh đã nhận và vận chuyển 05 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá trên. Sau đó, bị cáo gọi điện thoại cho bị cáo Trung đề nghị gửi các thiết bị giám sát hành trình tàu cá, bị cáo Trung đồng ý, rồi cùng bị cáo Trung cùng lắp đặt lên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Trung, việc lắp đặt, tàng trữ 05 thiết bị giám sát hành trình tàu cá này đã gây cản trở, rối loạn khả năng quản lý, giám sát, điều hành của các cơ quan có thẩm quyền trong khoảng thời gian từ ngày 25/6/2025 đến ngày 14/7/2025, tổng thời gian tàng trữ thiết bị giám sát hành trình trên 168 giờ.

Còn đối với bị cáo Trần Văn S khai nhận phù hợp với lời khai của 07 chủ tàu cá kiêm thuyền trưởng khác, gồm: Đào Văn Miện, Hoàng Văn Dũng, Đào Văn Mạnh, Đặng Văn Mạnh, Hoàng Văn Huân, Phạm Văn Viên, Trần Văn Hay. Tàu của bị cáo Sỹ và 07 tàu trên đều được cấp giấy phép khai thác thủy sản nghề lồng bẫy, vùng hoạt động là “Vùng khơi” và được lắp 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Ngày 25/6/2025, tàu của bị cáo Sỹ đang khai thác thủy sản ở khu vực đảo Mai (là vùng không được phép khai thác theo giấy phép tàu của Sỹ được cấp), thì bị cáo nhận được thông tin trên bộ đàm hàng hải chung (kênh A21) với nội dung *“Anh em mình có tháo máy ra được không”*, nhưng không rõ ai nói. Lúc này, bị cáo hiểu phải tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá nếu không sẽ bị cơ quan chức năng phát hiện việc đánh bắt thủy sản sai vùng. Một lúc sau, bị cáo tiếp tục nhận được thông tin trên bộ đàm kênh A21 với nội dung *“Cứ mang vào bè anh Trung ở Thanh Lân đi xem được không”*, nhưng vẫn không rõ ai nói. Sau đó, do nhận được tin bố bị ốm và phải về nhà ở tỉnh Thanh Hoá, nên bị cáo nói trên bộ đàm kênh A21 để mọi người biết *“Tôi có việc phải vào Thanh Lân, ai gửi máy thì đưa tôi mang đi gửi cho”*, đồng thời thông báo tọa độ tàu của mình. Từ trưa ngày 26/6/2025 đến sáng ngày 27/6/2025, 07 chủ tàu trên lần lượt đến gửi thiết bị giám sát hành trình tàu cá của mình cho bị cáo Sỹ. Sau đó, bị cáo Sỹ tự tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá của mình, rồi vận chuyển toàn bộ 08 thiết bị giám sát hành trình tàu cá đến khu vực bè của bị cáo Trung. Khi gặp bị cáo Trung, bị cáo Sỹ nói *“Cho em gửi ít đồ”*, thì bị cáo Trung biết là Sỹ gửi thiết bị giám sát hành trình tàu cá nên đồng ý. Sau đó, bị cáo Sỹ cùng bị cáo Trung lắp đặt 08 thiết bị giám sát hành trình tàu cá lên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Trung, việc lắp đặt, tàng trữ 08 thiết bị giám sát hành trình tàu cá này đã gây cản trở, rối loạn khả năng quản lý, giám sát, điều hành của các cơ quan có thẩm quyền trong khoảng thời gian từ ngày 27/6/2025 đến ngày 14/7/2025 tổng thời gian tàng trữ thiết bị giám sát hành trình trên 168 giờ.

Tại biên bản kiểm tra lập ngày 14/7/2025 thể hiện: hồi 11 giờ 30 phút ngày 14/7/2025, tại tọa độ 20⁰59'53"N 107⁰48'21"E, thuộc vùng biển đặc khu Cô Tô,

tỉnh Quảng Ninh, Đoàn kiểm tra của Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ninh, phát hiện trên 02 tàu số hiệu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Nguyễn Đức Tr lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình của tàu cá nên đã yêu cầu bị cáo neo đậu tàu về tàu Kiểm ngư KN-868-QN để làm việc. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường tại 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Trung, thu giữ: 03 bình ắc quy, 01 thiết bị định vị và 13 thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với bản Kết luận giám định số 6385/KL-KTHS ngày 05/9/2025 và số 7351/KL-KTHS ngày 30/9/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, đối với 13 thiết bị giám sát hành trình tàu cá và 01 thiết bị định vị thu giữ trên 02 tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS xác định được tọa độ thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá trong khoảng thời gian từ sáng ngày 25/6/2025 đến ngày 14/7/2025, phù hợp với vị trí cơ quan chức năng kiểm tra tàu QN-65076-TST và QN-41320-TS của bị cáo Trung tại tọa độ 20⁰59'53"N 107⁰48'21"E.

Mục đích nhận giữ thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá của bị cáo Trung là muốn bán được nhiều thực phẩm, vật tư cho Minh và Sỹ nên bị cáo đã đồng ý nhận giữ thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá; đối với bị cáo Minh thì mục đích bảo các chủ tàu cá tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình đưa cho bị cáo để vận chuyển, gửi gồm 05 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá là để những tàu cá này có thể đánh bắt trong vùng cấm được nhiều thủy sản hơn và bán lại cho Minh; còn đối với bị cáo Sỹ tự tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá của mình và việc bị cáo nhận vận chuyển 07 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá khác không có lợi ích gì, mục đích giúp các chủ tàu để cùng nhau đi đánh bắt thủy sản ở vùng cấm.

Lời bào chữa của Luật sư đối với bị cáo Sỹ có quan điểm về tội danh và điều luật áp dụng còn miễn cưỡng và mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là cao, vì điểm đ khoản 3 Điều 287 của Bộ luật Hình sự quy định:... *đ) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử 168 giờ trở lên hoặc 50 lần trở lên trong thời gian 24 giờ;*". Nhưng các thiết bị giám sát hành trình mà bị cáo vận chuyển và lắp đặt không bị gián đoạn (không tắt thiết bị), không gây cản trở, không tê liệt, không gián đoạn, không ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính.... và đề nghị Hội đồng xét xử mời cơ quan Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đến phiên tòa để giải thích rõ nội dung này.

Còn quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối đáp với quan điểm của Luật sư phân tích về hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287 của Bộ luật Hình sự và Điều 8 Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khẳng định bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Sỹ và các bị cáo Trung, Minh là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Còn đối với đề nghị mời Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đến phiên tòa để giải thích và là rõ nội dung ... *làm tê liệt, gián*

đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông... là không cần thiết vì trong hồ sơ vụ án đã có tài liệu này.

Hội đồng xét xử thấy quan điểm, phân tích của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, với các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 24, 25/6/2025, tại vùng biển thuộc đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Phạm Văn M đã có hành vi nhận 05 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá TH-90405-TS, TH-93361-TS, TH-92939-TS, TH-90729-TS, TH-92280-TS, rồi vận chuyển gửi bị cáo Nguyễn Đức Tr cất giữ và lắp đặt trên 02 tàu của bị cáo Trung, đã gây cản trở, rối loạn khả năng quản lý, giám sát, điều hành của các cơ quan có thẩm quyền trong khoảng thời gian từ ngày 25/6/2025 đến ngày 14/7/2025 (trên 168 giờ), để các tàu cá đi khai thác thủy sản trái phép trong vùng cấm.

Ngày 26, 27/6/2025, cũng tại vùng biển trên, bị cáo Trần Văn S đã có hành vi nhận 07 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá TH-92211-TS, TH-90164-TS, TH-90288-TS, TH-92283-TS, TH-90991-TS, TH-92072-TS, TH-90616-TS, cùng với thiết bị giám sát hành trình tàu TH-91884-TS của mình, rồi vận chuyển gửi cho bị cáo Nguyễn Đức Tr cất giữ và lắp đặt trên 02 tàu của bị cáo Trung, đã gây cản trở, rối loạn khả năng quản lý, giám sát, điều hành của các cơ quan có thẩm quyền trong khoảng thời gian từ ngày 27/6/2025 đến ngày 14/7/2025 (trên 168 giờ), để các tàu cá đi khai thác thủy sản trái phép trong vùng cấm.

Đối với 12 chủ tàu cá kiêm thuyền trưởng Vũ Văn Tuấn, Trần Văn Chót, Trần Văn Tuấn, Trần Văn Nhân, Vũ Văn Ngọc, Phạm Văn Viên, Đào Văn Mạnh, Đặng Văn Mạnh, Đào Văn Miện, Hoàng Văn Huân, Trần Văn Hay, Hoàng Văn Dũng, đều có hành vi tự tháo gỡ 01 thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá của mình, nhưng không bàn bạc hay tham gia tháo, gửi thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá khác, nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh để xử phạt hành chính theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý khai thác thủy sản; gây rối loạn, gián đoạn hoạt động của thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên vùng biển, xâm phạm trực tiếp đến sự quản lý, giám sát, điều hành của cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực này, được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 44 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 04/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Việc vận chuyển, tàng trữ thiết bị giám sát hành trình đã làm cho việc truyền tải thông tin của thiết bị giám sát hành trình tàu cá (phương tiện điện tử) về Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá không đúng với thực tế vị trí tàu cá đang hoạt động dẫn đến cơ quan có thẩm quyền không quản lý được hoạt động khai thác thủy sản của các tàu cá trên biển, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo và có mức hình phạt

tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, giữa bị cáo Trung với bị cáo Sỹ và giữa bị cáo Trung với bị cáo Minh thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công từ trước mà chỉ tiếp nhận ý chí của nhau để cùng thực hiện hành vi tội phạm. Trong đó, bị cáo Trung giữ vai trò chính là người nhận tàng trữ 13 thiết bị giám sát hành trình tàu cá (nhận 02 lần: lần một 05 thiết bị, lần hai 08 thiết bị) nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án; còn đối với bị cáo Minh vận chuyển 05 thiết bị giám sát hành trình, bị cáo Sỹ vận chuyển 07 thiết bị giám sát hành trình và tạt tháo 01 thiết bị giám sát hành trình của mình gửi cho bị cáo Trung nhận, tàng trữ do vậy hai bị cáo này có vai trò ngang nhau nên chịu mức hình phạt ngang nhau.

[5] Tuy nhiên cũng cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này bị cáo Trung hai lần nhận thiết bị giám sát hành trình, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, các bị cáo do trình độ văn hoá (học vấn) thấp, trong đó bị cáo Minh trình độ học vấn 0/12, nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bị cáo Minh và Sỹ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Ngoài ra bị cáo Minh còn có mẹ đẻ là bà Vũ Thị Khôi có công với nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, có bố đẻ là ông Phạm Minh Đức được tặng kỷ niệm chương chiến sĩ Trường Sơn đường Hồ Chí Minh. Còn đối với bị cáo Trung có nhân thân xấu, năm 2002 bị Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đến nay đã được xóa án tích. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tương ứng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên khi quyết định hình phạt có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Nhưng dù có xét thể nào chăng nữa thì cũng nhất thiết buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đáp ứng được yêu cầu trong việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 287 của Bộ luật hình sự. Nhưng xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án: đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng là có căn cứ nên chấp nhận, cụ thể: đối với 04 tàu cá QN-65076-TST, QN-41320-TS, TH-91884-TS, TH-92276-TS của Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S, Phạm Văn M, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả các bị cáo, nhưng hiện nay 04 tàu cá này đã giao cho gia đình các bị cáo quản lý, nên tiếp tục giao cho gia đình các bị cáo.

Đối với 13 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá TH-90405-TS, TH-93361-TS, TH-92939-TS, TH-90729-TS, TH-92280-TS, TH-91884-TS, TH-92211-TS, TH-90164-TS, TH-90288-TS, TH-92283-TS, TH-90991-TS, TH-92072-TS, TH-90616-TS; 03 bình ắc quy; 01 thiết bị định vị cần tuyên trả cho bị cáo Sỹ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Còn 02 điện thoại di động kèm theo sim, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Trung và bị cáo Minh, các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 02 điện thoại, còn đối với 02 sim kèm theo điện thoại cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà: Hội đồng xét xử thấy về tội danh, điều luật áp dụng, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt là có căn cứ, đề nghị này phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M; bị cáo Nguyễn Đức Tr còn bị áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”.

2. Về hình phạt.

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Tr 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2025.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2025.

2.3. Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2025.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen của bị cáo Nguyễn Đức Tr; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu tím của bị cáo Phạm Văn M.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc sim thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức Tr và 01 chiếc sim thu giữ của bị cáo Phạm Văn M.

3.3. Trả lại cho các chủ tàu cá thiết bị giám sát hành trình, gồm:

3.2.1. Trả lại bị cáo Nguyễn Đức Tr 01 thiết bị định vị và dẫn đường hàng hải; 02 tàu cá QN-65076-TST và QN-41320-TS (02 tàu cá đã giao cho gia đình bị cáo Trung quản lý).

3.2.2. Trả lại bị cáo Trần Văn S 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có mã số thiết bị: BK88VN2020-H00094; mã Serial H00094 của nhà cung cấp Định vị Bách Khoa; Số đăng ký tàu cá TH-91884-TS; 01 tàu cá TH-91884-TS (01 tàu cá đã giao cho gia đình bị cáo Sỹ quản lý).

3.2.3. Trả lại bị cáo Phạm Văn M 01 tàu cá tàu cá TH-92276-TS (01 tàu cá đã giao cho gia đình bị cáo Minh quản lý).

3.2.4. Trả lại anh Trần Văn Nhân 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị có mã số: BK88VN2020-H00543; mã Serial H00543 của nhà cung cấp Định vị Bách Khoa; Số đăng ký tàu cá TH-90729-TS và 01 bình ắc quy.

3.2.5. Trả lại anh Trần Văn Tuấn 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có S/N: MTR032019M003303; mã Serial MTR032019M003303 (GB3303) của nhà cung cấp Viettel; Số đăng ký tàu cá TH-90405-TS.

3.2.6. Trả lại anh Vũ Văn Ngọc 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị có mã số: BK88VN2020-H01047; mã Serial H01047 của nhà cung cấp Định vị Bách Khoa; Số đăng ký tàu cá TH-92280-TS.

3.2.7. Trả lại anh Trần Văn Chót 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có S/N: MTR032019M006822; mã Serial MTR032019M006822 (GB6822) của nhà cung cấp Viettel; Số đăng ký tàu cá TH-92939-TS và 01 bình ắc quy.

3.2.8. Trả lại anh Đặng Văn Mạnh 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có IMEI: 300534061401240 (B02905); mã Serial 300534061401240 (B02905) của nhà cung cấp Bình Anh; Số đăng ký tàu cá TH-92283-TS.

3.2.9. Trả lại anh Trần Văn Hay 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có IMET: 310534964310005 (B10005); mã Serial 310534964310005 (B10005) của nhà cung cấp Bình Anh; Số đăng ký tàu cá TH- 90616-TS.

3.2.10. Trả lại anh Hoàng Văn Tuấn 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có dãy số: 300534065951350; mã Serial 300534065951350 của nhà cung cấp Bình Anh; Số đăng ký tàu cá TH-90991-TS.

3.2.11. Trả lại anh Đào Văn Mạnh 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có mã số thiết bị: BK88VN2020-H01175; mã Serial H01175 của nhà cung cấp Định vị Bách Khoa; Số đăng ký tàu cá TH- 90288-TS.

3.2.12. Trả lại anh Phạm Văn Viên 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có mã số thiết bị: BK88VN2020-H00255; mã Serial H00255 của nhà cung cấp Định vị Bách Khoa; Số đăng ký tàu cá TH-92072-TS.

3.2.13. Trả lại anh Vũ Văn Tuấn 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có mã số thiết bị: 301434061456990; mã Serial 456990 của nhà cung cấp Viện Hàn lâm KHVN; Số đăng ký tàu cá TH-93361-TS và 01 bình ắc quy.

3.2.14. Trả lại anh Đào Văn Miện 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có S/N: MTR032019M003827; mã Serial MTR032019M003827 (GB3827) của nhà cung cấp Viettel; Số đăng ký tàu cá TH-92211-TS.

3.2.15. Trả lại anh Hoàng Văn Dũng 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị điện tử có S/N: MTR032019M003768; mã Serial MTR032019M003768 (GB3768) của nhà cung cấp Viettel; Số đăng ký tàu cá TH-90164-TS.

Tình trạng vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 167/BB-THA.KV3 ngày 12/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Quảng Ninh.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Trần Văn S và Phạm Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- VKSND, Khu vực 3- Quảng Ninh;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PC 06 Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 3-Quảng Ninh;
- Cơ sở giam giữ;
- Lưu hồ sơ vụ án,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ

